

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BGDDĐT-NGCBQLGD
V/v xin ý kiến góp ý 02 dự thảo Thông tư

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

VĂN PHÒNG UBND TP HÀI PHÒNG	
ĐẾN	Số: 2744 Ngày: 25/03/2026
Chuyển: Số và ký hiệu HS:	
ĐƠN VỊ	phụ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng 02 dự thảo Thông tư: dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn người dạy nghề; dự thảo Thông tư quy định bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề (sau đây gọi tắt là 02 dự thảo Thông tư). 02 dự thảo Thông tư đã được đăng tải toàn văn trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: www.moet.gov.vn .
CT L.N.Châu	<input checked="" type="checkbox"/>
Đ.T.Trung	<input checked="" type="checkbox"/>
PCT TT L.A.Quân	<input checked="" type="checkbox"/>
PCT V.T.Phụng	<input checked="" type="checkbox"/>
PCT L.T.Kiên	<input checked="" type="checkbox"/>
PCT N.M.Hùng	<input checked="" type="checkbox"/>
PCT T.V.Quân	<input checked="" type="checkbox"/>
PCT H.M.Cường	<input checked="" type="checkbox"/>
CVP H.V.Thực	<input checked="" type="checkbox"/>
PCVP N.H.Long	<input checked="" type="checkbox"/>
PCVP T.V.Thiện	<input checked="" type="checkbox"/>
PCVP N.T.Hùng	<input checked="" type="checkbox"/>
PCVP P.A.Tuấn	<input checked="" type="checkbox"/>
PCVP P.H.Hoàng	<input checked="" type="checkbox"/>
PCVP T.N.Hưng	<input checked="" type="checkbox"/>
P. NV&KT,GS	<input checked="" type="checkbox"/>
P. NC	<input checked="" type="checkbox"/>
P. NN&MT	<input checked="" type="checkbox"/>
P. TC	<input checked="" type="checkbox"/>
P. TH	<input checked="" type="checkbox"/>
P. VX	<input checked="" type="checkbox"/>
P. XD&CT	<input checked="" type="checkbox"/>
Ban TCDTP	<input checked="" type="checkbox"/>
P. HC-QT	<input checked="" type="checkbox"/>
TTPVHCCTP	<input checked="" type="checkbox"/>
TTHN&NKTP	<input checked="" type="checkbox"/>
Cổng TTĐTTP	<input checked="" type="checkbox"/>

Thực hiện Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng 02 dự thảo Thông tư: dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn người dạy nghề; dự thảo Thông tư quy định bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề (sau đây gọi tắt là 02 dự thảo Thông tư). 02 dự thảo Thông tư đã được đăng tải toàn văn trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: www.moet.gov.vn.

Để thực hiện đúng quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và tiếp tục hoàn thiện 02 dự thảo Thông tư nhằm bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính gửi và đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu, góp ý cho 02 dự thảo Thông tư nêu trên.

Ý kiến góp ý của quý Cơ quan xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục) trước ngày 04/4/2026 theo địa chỉ: số 35 Đại Cồ Việt, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.3869.5144 (số máy lẻ 133); di động: 0989644093; email: nguyetntm@moet.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

Phạm Ngọc Thuởng

Dự thảo

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chuẩn người dạy nghề

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn người dạy nghề.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn đối với người dạy nghề, bao gồm: tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo và năng lực thực hành nghề; tiêu chuẩn về năng lực sư phạm; việc đánh giá, công nhận năng lực thực hành nghề và năng lực sư phạm của người dạy nghề.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người dạy nghề quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15.

2. Trường cao đẳng, trường trung cấp, trường trung học nghề và cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp); doanh nghiệp, hợp tác xã phối hợp với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo các chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

TIÊU CHUẨN NGƯỜI DẠY NGHỀ

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

1. Có phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức trách nhiệm, tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp trong giảng dạy, hướng dẫn thực hành.

2. Tôn trọng, đối xử công bằng và đánh giá khách quan đối với người học; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện đúng nội quy, quy chế của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, hợp tác xã nơi tham gia giảng dạy.

4. Bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình giảng dạy, hướng dẫn thực hành. Tuân thủ quy định về bảo mật công nghệ, quy trình sản xuất và bí mật kinh doanh khi tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành.

Điều 4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo và năng lực thực hành nghề

1. Người dạy nghề giảng dạy lý thuyết các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với giáo viên, giảng viên dạy lý thuyết theo quy định.

2. Người dạy nghề giảng dạy trình độ sơ cấp phải có trình độ trung cấp trở lên; giảng dạy, hướng dẫn thực hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, chương trình giáo dục trung học nghề phải có trình độ cao đẳng trở lên; hoặc có chứng chỉ, chứng nhận năng lực thực hành nghề như đối với giảng viên, giáo viên theo quy định.

3. Người dạy nghề giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp; giảng dạy, hướng dẫn thực hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trung học nghề nếu không có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều này thì phải có năng lực thực hành nghề phù hợp với trình độ giảng dạy như sau:

a) Đối với giảng dạy, hướng dẫn thực hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng: có năng lực thực hiện thành thạo các công việc, quy trình kỹ thuật phức tạp của ngành, nghề; có khả năng phân tích, xử lý tình huống kỹ thuật phát sinh; hướng dẫn, tổ chức và giám sát quá trình thực hành của người học; cập nhật, ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực nghề nghiệp;

b) Đối với giảng dạy, hướng dẫn thực hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp: có năng lực thực hiện thành thạo các công việc chính của ngành, nghề theo quy trình kỹ thuật; có khả năng xử lý các tình huống kỹ thuật thông thường; hướng dẫn người học thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật và bảo đảm an toàn lao động;

c) Đối với giảng dạy, hướng dẫn thực hành chương trình giáo dục trung học nghề: có năng lực thực hiện được các công việc cơ bản và một số công việc có yêu cầu kỹ thuật của ngành, nghề; hướng dẫn người học thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật và bảo đảm an toàn lao động;

d) Đối với giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: có năng lực thực hiện được các công việc đơn giản hoặc theo quy trình hướng dẫn của nghề; hướng dẫn người học thực hiện đúng thao tác cơ bản và bảo đảm an toàn lao động.

Điều 5. Tiêu chuẩn về năng lực sư phạm

1. Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực sư phạm theo quy định của pháp luật tương ứng với trình độ tham gia giảng dạy như đối với giáo viên, giảng viên.

2. Người dạy nghề nếu không có văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 1 Điều này thì phải có năng lực sư phạm tương ứng với trình độ tham gia giảng dạy như sau:

a) Đối với giảng dạy chương trình đào tạo trình độ cao đẳng: có khả năng thiết kế, tổ chức và quản lý quá trình dạy học theo định hướng phát triển năng lực; xây dựng kế hoạch giảng dạy theo môn học hoặc mô-đun; hướng dẫn người học thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp có tính phức tạp; tổ chức đánh giá năng lực theo chuẩn đầu ra; ứng dụng phương pháp dạy học hiện đại, công nghệ số; tham gia phát triển chương trình, tài liệu giảng dạy và cải tiến hoạt động đào tạo; bảo đảm an toàn trong quá trình đào tạo;

b) Đối với giảng dạy chương trình đào tạo trình độ trung cấp: có khả năng xây dựng kế hoạch giảng dạy theo môn học hoặc mô-đun; tổ chức hoạt động dạy học tích hợp lý thuyết với thực hành; hướng dẫn người học giải quyết tình huống nghề nghiệp; đánh giá năng lực thực hiện của người học theo chuẩn đầu ra; ứng dụng công nghệ thông tin và phương tiện dạy học phù hợp; bảo đảm an toàn trong quá trình đào tạo;

c) Đối với giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề: có khả năng thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học theo chương trình đào tạo; hướng dẫn, kèm cặp người học trong thực hành nghề; lựa chọn, sử dụng phương pháp dạy học phù hợp; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra; bảo đảm an toàn trong quá trình đào tạo;

d) Đối với giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: có khả năng xây dựng kế hoạch bài giảng phù hợp với mục tiêu đào tạo; tổ chức, hướng dẫn người học thực hiện các thao tác, kỹ năng cơ bản; sử dụng phương pháp dạy học trực quan; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo yêu cầu của chương trình; bảo đảm an toàn trong quá trình đào tạo.

Điều 6. Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề và năng lực sư phạm của người dạy nghề

1. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có kế hoạch sử dụng người dạy nghề quyết định thành lập Hội đồng đánh giá năng lực thực hành nghề và năng lực sư phạm.

2. Hội đồng đánh giá có số lượng 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: đại diện lãnh đạo cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, nhà giáo có chuyên môn phù hợp và đại diện doanh nghiệp hoặc chuyên gia trong lĩnh vực liên quan, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

b) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là người đại diện bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

3. Hội đồng đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đánh giá đã biểu quyết. Hội đồng đánh giá có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư này, xây dựng nội dung đánh giá năng lực hành nghề và năng lực sư phạm tương ứng với cấp trình độ và phù hợp với ngành, nghề mà người dạy nghề tham gia giảng dạy;

b) Căn cứ các minh chứng về danh hiệu, thành tích, giải thưởng, kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp, quá trình tham gia giảng dạy thực tế của người dạy nghề để xem xét miễn, giảm nội dung đánh giá;

c) Tổ chức đánh giá năng lực thực hành nghề, năng lực sư phạm đối với người dạy nghề đảm bảo chính xác, khách quan, minh bạch;

d) Báo cáo người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp kết quả đánh giá để xem xét, quyết định công nhận kết quả đánh giá;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức đánh giá (nếu có);

e) Hội đồng đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người dạy nghề đã được xác định đáp ứng tiêu chuẩn theo các quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được tham gia giảng dạy theo chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp mà không phải thực hiện đánh giá lại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Người dạy nghề có chứng chỉ kỹ năng dạy học do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xác nhận đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực sư phạm quy định tại Thông tư này để giảng dạy các chương trình giáo dục nghề nghiệp.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức đánh giá; quyết định công nhận năng lực thực hành nghề, năng lực sư phạm của người dạy nghề trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá theo quy định tại Thông tư này.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kết quả đánh giá, công nhận tiêu chuẩn người dạy nghề.

3. Hằng năm, căn cứ vào điều kiện cụ thể của đơn vị và yêu cầu của chương trình đào tạo, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao năng lực sư phạm và năng lực thực hành nghề cho người dạy nghề.

4. Công khai danh sách người dạy nghề đủ điều kiện giảng dạy trên cổng thông tin điện tử của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; quản lý, lưu trữ hồ sơ và cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật; bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Xem xét, sử dụng người dạy nghề đã được cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác công nhận năng lực thực hành nghề, năng lực sư phạm theo quy định của Thông tư này mà không phải tổ chức đánh giá lại.

6. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dạy nghề theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã

1. Phối hợp cử người có đủ điều kiện tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành theo đề nghị của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Cử người có chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng đánh giá năng lực khi được cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đề nghị.

3. Phối hợp với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để bồi dưỡng, cập nhật năng lực thực hành nghề cho người dạy nghề.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục

1. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện Thông tư này;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn người dạy nghề;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách khi cần thiết.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện tại địa phương, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở

Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Như khoản 2 Điều 11;
- Công báo; Cổng PLQG; CSDLQG về VBPL; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05).

BỘ TRƯỞNG

.....

Số: /2026/TT-BGDĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định việc bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định việc bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp tương ứng các chức danh và chế độ làm việc của giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề (sau đây gọi chung là giáo viên trung học nghề).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định việc bổ nhiệm, xếp lương và chế độ làm việc của giáo viên trung học nghề tại Chương II và Chương IV Thông tư này áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong trường trung học nghề, trường trung cấp, trường cao đẳng (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp) công lập thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Quy định về chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên trung học nghề tại Chương III Thông tư này áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở hoạt

động giáo dục nghề nghiệp) công lập và tư thục thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Thông tư này không áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

CHƯƠNG II

BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 3. Bổ nhiệm và xếp lương đối với giáo viên trung học nghề

1. Việc bổ nhiệm và xếp lương đối với giáo viên trung học nghề phải căn cứ vào nhiệm vụ, chuẩn nghề nghiệp tương ứng chức danh, chức danh tương đương quy định tại Điều 4 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giáo viên trung học nghề đáp ứng chuẩn nghề nghiệp quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này được bổ nhiệm chức danh tương ứng và áp dụng bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

a) Giáo viên trung học nghề hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1 từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

b) Giáo viên trung học nghề hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 từ hệ số lương 4,0 đến hệ số lương 6,38;

c) Giáo viên trung học nghề hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98 hoặc áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89 theo trình độ chuẩn được đào tạo.

Điều 4. Xác định tương đương chức danh giáo viên trung học nghề

1. Chức danh tương đương giáo viên trung học nghề được xác định khi chuyển từ vị trí việc làm nhà giáo ở cấp học, trình độ đào tạo khác hoặc vị trí việc làm khác sang vị trí việc làm giáo viên trung học nghề, đảm bảo tương đương tiêu chuẩn về trình độ đào tạo; được xếp ở cùng bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

2. Giáo viên trung học nghề hạng I được xếp vào nhóm V theo quy định tại Phụ lục Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT.

3. Giáo viên trung học nghề hạng II được xếp vào nhóm VII theo quy định tại Phụ lục Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT.

4. Giáo viên trung học nghề hạng III được xếp vào nhóm VIII theo quy định tại Phụ lục Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc xác định tương đương chức danh nhà giáo.

CHƯƠNG III**CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ****Điều 5. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề****1. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng III:**

a) Giảng dạy các môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề, trong đó có thể giảng dạy lý thuyết hoặc thực hành hoặc vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành (sau đây gọi chung là tích hợp); đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở; tham gia nghiên cứu hoặc ứng dụng kết quả của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

c) Tham gia biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; tham gia luyện thi cho người học tham gia kỳ thi, cuộc thi chuyên môn, kỹ năng nghề, khởi nghiệp các cấp;

e) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người đứng đầu đơn vị được phân cấp quản lý phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên trung học nghề hạng III và các quy định pháp luật liên quan.

2. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng II:

a) Giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết hoặc tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề; đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở; chủ trì hoặc tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy; thiết kế, cải tiến, chế tạo đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa, cơ sở; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; chủ trì hoặc tham gia luyện thi cho người học tham gia kỳ thi, cuộc thi chuyên môn, kỹ năng nghề, khởi nghiệp các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người đứng đầu đơn vị được phân cấp quản lý phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên trung học nghề hạng II và các quy định pháp luật liên quan.

4. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng I:

a) Giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết hoặc tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề; đánh giá kết quả học tập, kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Chủ trì tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong bộ môn, khoa, cơ sở; chủ trì hoặc tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp; tổ chức hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy; thiết kế, cải tiến, chế tạo đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; chủ trì bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa, cơ sở; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; chủ trì hoặc tham gia luyện thi cho người học tham gia kỳ thi, cuộc thi chuyên môn, kỹ năng nghề, khởi nghiệp các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người đứng đầu đơn vị được phân cấp quản lý phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên trung học nghề hạng I và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 6. Bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên một số ngành đào tạo của giáo dục đại học đáp ứng tiêu chuẩn để dạy thực hành môn học, mô-đun trong chương trình giáo dục trung học nghề

Bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên một số ngành đào tạo của giáo dục đại học đáp ứng tiêu chuẩn để dạy thực hành chương trình giáo dục trung học nghề là một trong các văn bằng phù hợp với môn học, mô-đun, ngành, nghề giảng dạy như sau:

1. Bằng cử nhân trở lên đối với nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo: Sức khỏe; Nghệ thuật (trừ các ngành: Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Lý luận, lịch sử và phê bình múa); Đào tạo giáo viên (gồm các ngành: Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; Sư phạm Tin học; Giáo dục Chính trị, Giáo dục Pháp luật, Giáo dục Thể chất; Huấn luyện thể thao, Giáo dục Quốc phòng - An ninh); Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Kế toán - Kiểm toán; Luật; Sinh học; Sinh học ứng dụng; Máy tính; Công nghệ thông tin; Du lịch; Khách sạn, nhà hàng; Thể dục, thể thao (trừ ngành Quản lý thể dục thể thao).

2. Bằng kỹ sư, kiến trúc sư, bằng bác sĩ chuyên khoa cấp I trở lên, bằng bác sĩ nội trú, bằng bác sĩ chuyên khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 7. Tiêu chuẩn về đạo đức của giáo viên trung học nghề

1. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tôn trọng và đối xử công bằng, đúng mực với người học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, tận tụy trong thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm công bằng, khách quan trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học, chủ động phòng ngừa và đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, bệnh thành tích trong giáo dục.

3. Tuân thủ các quy định về đạo đức học thuật và bảo đảm liêm chính khoa học, thực hiện trung thực, minh bạch trong giảng dạy, thực hiện nghiên cứu, công bố kết quả các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hoạt động chuyên môn khác.

4. Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà giáo và tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề hạng III

1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: Giáo viên trung học nghề hạng III phải đáp ứng quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân trở lên phù hợp với môn học, ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông và giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô-đun chuyên môn nghề;

b) Có bằng cao đẳng hoặc năng lực thực hành nghề dạy thực hành trình độ tương ứng chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục trung học nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên đối với giáo viên giảng dạy thực hành môn học, mô-đun chuyên môn nghề;

c) Giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Có năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề (đối với giáo viên không tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên);

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; có kiến thức về môn học, mô-đun liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề giảng dạy; thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề trong mô-đun, môn học được phân công giảng dạy (đối với giáo viên dạy thực hành hoặc tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

b) Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và đạt được các yêu cầu quy định tại chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

c) Nắm vững mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở để tổ chức đào tạo;

d) Có khả năng tham gia xây dựng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm của môn học, mô-đun và người học; có khả năng đánh giá đúng năng lực của người học;

đ) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; biết ứng dụng, cải tiến phương tiện, trang thiết bị dạy học;

e) Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện hoặc ứng dụng được kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giáo viên trung học nghề hạng III theo quy định.

Điều 9. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề hạng II

1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: Giáo viên trung học nghề chính phải đáp ứng quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng cử nhân trở lên phù hợp với môn học, mô-đun hoặc ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông, giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô-đun chuyên môn nghề;

b) Giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này và có năng lực thực hành nghề dạy trình độ tương ứng chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục trung học nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên;

c) Có năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề (đối với giáo viên không tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức chuyên sâu môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; có kiến thức về môn học, mô-đun liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; có khả năng vận dụng kiến thức chuyên sâu và tiến bộ kỹ thuật vào giảng dạy, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo;

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo của cơ sở; có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy tích hợp; có khả năng tổ chức, điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế;

c) Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề trong chương trình đào tạo (đối với giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

d) Có khả năng chủ trì hoặc tham gia xây dựng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm của môn học, mô-đun và người học; có khả năng đánh giá đúng năng lực người học, tổng hợp, phân tích để điều chỉnh bộ tiêu chí, công cụ đánh giá dựa trên phản hồi, kết

quả đánh giá người học; có năng lực tham gia xây dựng, thẩm định, hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá cấp cơ sở trở lên;

d) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; có năng lực tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn, xưởng thực hành;

e) Nắm vững phương pháp, quy trình và tham gia thực hiện được hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng hoặc chuyển giao được kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giáo viên trung học nghề hạng II theo quy định;

h) Đạt ít nhất 02 (hai) trong các thành tích, giải thưởng hoặc đạt ít nhất 02 (hai) lần một trong các thành tích, giải thưởng quy định tại điểm này:

Chủ biên hoặc tham gia biên soạn 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách phục vụ đào tạo hoặc 02 (hai) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với môn học, ngành, nghề được phân công giảng dạy đã được hội đồng khoa học và đào tạo (do người đứng đầu cơ sở hoặc cấp có thẩm quyền thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo chương trình giáo dục trung học nghề hoặc đào tạo trình độ trung cấp trở lên;

Tham gia thực hiện 01 (một) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 01 (một) bài báo khoa học phù hợp với ngành, nghề giảng dạy đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng hoặc Hội thi thiết bị tự làm hoặc cuộc thi, kỳ thi về kỹ năng nghề, khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao (sau đây gọi chung là cuộc thi, kỳ thi khác) cấp tỉnh trở lên hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) giáo viên, giảng viên đạt giải ba trở lên trong Hội giảng cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) người học/01 (một) nhóm người học đạt giải ba trở lên trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên;

Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường trở lên.

Điều 10. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề hạng I

1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp: Giáo viên trung học nghề cao cấp phải đáp ứng quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với môn học, mô-đun hoặc ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông, giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô-đun chuyên môn nghề;

b) Giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này và có năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ tương ứng chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục trung học nghề theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trở lên;

c) Có năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề (đối với giáo viên không tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức chuyên sâu về môn học, ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; nắm vững thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu và tiến bộ kỹ thuật vào giảng dạy, xây dựng, cập nhật hoặc thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy và tập huấn, tư vấn chuyên môn cho giáo viên trong cơ sở;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo của cơ sở; có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để thiết kế, tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy tích hợp; có khả năng tổ chức, điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng và điều kiện thực tế;

c) Thực hiện thành thạo kỹ năng nghề của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và đạt được các mục tiêu về phát triển kiến thức, kỹ năng nghề trong chương trình đào tạo (đối với giáo viên dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề); có năng lực bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề cho đội ngũ giáo viên hoặc tư vấn, kết nối doanh nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho người học;

d) Có khả năng chủ trì xây dựng bộ tiêu chí, công cụ đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm môn học, mô-đun và người học; có khả năng đánh giá đúng năng lực của người học, tổng hợp, phân tích để điều chỉnh bộ tiêu chí, công cụ đánh giá dựa trên phản hồi, kết quả đánh giá người học; có năng lực chủ trì xây dựng, thẩm định, hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá cấp cơ sở trở lên;

đ) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; có năng lực chủ trì thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn, xưởng thực hành;

e) Nắm vững phương pháp, quy trình nghiên cứu khoa học và có năng lực chủ trì, hướng dẫn thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

ứng dụng hoặc chuyển giao được kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giáo viên trung học nghề hạng I theo quy định;

h) Đạt ít nhất 02 (hai) trong các thành tích, giải thưởng hoặc đạt ít nhất 02 (hai) lần một trong các thành tích, giải thưởng quy định tại điểm này:

Chủ biên 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách phục vụ đào tạo hoặc 02 (hai) giáo trình hoặc 04 (bốn) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã được hội đồng khoa học và đào tạo (do người đứng đầu cơ sở hoặc cấp có thẩm quyền thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo chương trình giáo dục trung học nghề hoặc đào tạo trình độ trung cấp trở lên;

Chủ trì thực hiện 02 (hai) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở hoặc 01 (một) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 02 (hai) bài báo khoa học phù hợp với ngành, nghề giảng dạy đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng hoặc Hội thi thiết bị tự làm hoặc cuộc thi, kỳ thi khác cấp quốc gia hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) giáo viên, giảng viên đạt giải ba trở lên trong Hội giảng toàn quốc hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) người học/01 (một) nhóm người học đạt giải ba trở lên trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp quốc gia hoặc tương đương trở lên;

Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên hoặc được tặng bằng khen từ cấp tỉnh trở lên hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi từ cấp tỉnh trở lên.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Mục I

QUY ĐỊNH CHUNG VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 11. Quy định chung về chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề, giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (bao gồm: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng phòng và tương đương, phó trưởng phòng và tương đương) và

giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định theo năm học để thực hiện hoạt động nghề nghiệp (giảng dạy, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, học tập, bồi dưỡng và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác), không bao gồm thời gian nghỉ hằng năm theo quy định.

2. Giờ chuẩn, tiết dạy (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy được xác định trên cơ sở quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, bao gồm: chuẩn bị bài giảng, tổ chức giảng dạy, giáo dục và đánh giá người học. Trong đó:

a) Một giờ chuẩn được tính đối với việc giảng dạy khối kiến thức cốt lõi của chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết khối môn học, mô-đun chuyên môn nghề cho 01 lớp tối đa 35 người học;

b) Một giờ chuẩn được tính đối với việc giảng dạy thực hành hoặc tích hợp trong 01 giờ giảng môn học, mô-đun chuyên môn nghề cho 01 lớp tối đa 18 người học; giảng dạy thực hành hoặc tích hợp khối môn học, mô-đun chuyên môn nghề các ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho 01 lớp tối đa 10 người học.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn, trong đó:

a) Một giờ giảng lý thuyết (kiến thức cốt lõi của chương trình trung học phổ thông hoặc môn học, mô-đun chuyên môn nghề) là 45 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn;

b) Một giờ dạy tích hợp môn học, mô-đun chuyên môn nghề là 60 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn;

c) Một giờ dạy thực hành môn học, mô-đun chuyên môn nghề là 60 phút được tính bằng 01 giờ chuẩn.

4. Định mức giờ chuẩn là số giờ chuẩn được quy định mà mỗi giáo viên trung học nghề phải giảng dạy trong một năm học.

5. Giảm định mức giờ chuẩn là việc giáo viên trung học nghề không phải thực hiện một số giờ giảng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, quản lý hoặc kiêm nhiệm do cấp có thẩm quyền giao hoặc trong một số trường hợp cụ thể theo quy định.

6. Quy đổi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ra giờ chuẩn là việc giáo viên trung học nghề khi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ (khác với các nhiệm vụ đã được giảm định mức giờ chuẩn) thì được tính quy đổi thành giờ chuẩn để tính khối lượng giảng dạy.

Điều 12. Nguyên tắc xác định chế độ làm việc

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề được xác định theo số tuần và định mức giờ chuẩn trong một năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định, bảo đảm không vượt quá thời giờ làm việc tối đa theo quy định.

2. Định mức giờ chuẩn của giáo viên trung học nghề tham gia giảng dạy môn học trung học phổ thông và môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong một năm học áp dụng theo 01 định mức giờ chuẩn của môn học, mô-đun có số giờ giảng dạy thực tế nhiều hơn.

3. Một giờ chuẩn giảng dạy môn học trung học phổ thông được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề. Một giờ chuẩn giảng dạy trực tuyến được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp.

4. Thời gian giáo viên trung học nghề không sử dụng hết để học tập, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề) được quy đổi ra giờ chuẩn. Số giờ quy đổi được xác định theo tỷ lệ giữa thời gian giáo viên không sử dụng hết để thực hiện các nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới với thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy; số giờ quy đổi được cộng thêm vào định mức giờ chuẩn trong năm học.

5. Đối với các nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí để chi trả thù lao cho giáo viên theo quy định thì không thực hiện giảm định mức giờ chuẩn và không quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ đó ra giờ chuẩn. Đối với giáo viên trung học nghề được phân công kiêm nhiệm công tác hành chính, công tác khác, định mức giờ chuẩn tính theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian được phân công kiêm nhiệm với thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

6. Việc phân công, bố trí nhiệm vụ cho giáo viên trung học nghề phải đảm bảo:

a) Phù hợp với định mức giờ chuẩn, thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới (đối với giáo viên dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi;

c) Công khai, minh bạch trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thống nhất thực hiện.

Mục II

THỜI GIAN LÀM VIỆC, ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN VÀ THỜI GIAN NGHỈ HÀNG NĂM CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 13. Thời gian làm việc

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề dạy môn học chương trình trung học phổ thông là 42 tuần (tương đương 1.680 giờ hành chính), bao gồm:

a) 37 tuần thực hiện nhiệm vụ giảng dạy (35 tuần thực dạy và 02 tuần dự phòng);

b) 05 tuần tham gia học tập, bồi dưỡng; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác (bao gồm cả thời gian chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học).

2. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính), bao gồm:

a) 36 tuần thực hiện nhiệm vụ giảng dạy;

b) 08 tuần tham gia học tập, bồi dưỡng; thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác (bao gồm cả thời gian chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học).

3. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 46 tuần, bao gồm thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy bảo đảm định mức giờ chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

Điều 14. Định mức giờ chuẩn

1. Định mức giờ chuẩn trong một năm học của giáo viên trung học nghề dạy môn học trung học phổ thông: 595 giờ chuẩn (trung bình 17 giờ/tuần).

2. Định mức giờ chuẩn trong một năm học của giáo viên trung học nghề dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề: Từ 400 đến 510 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ chuẩn trong một năm học của giáo viên dạy môn học chung trong môn học, mô-đun chuyên môn nghề là 510 giờ chuẩn.

4. Định mức giờ chuẩn đối với giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng như sau:

a) Hiệu trưởng, giám đốc: 8% định mức giờ chuẩn/năm học;

b) Phó hiệu trưởng, phó giám đốc: 10% định mức giờ chuẩn/năm học;

c) Trưởng phòng và tương đương: 14% định mức giờ chuẩn/năm học;

d) Phó trưởng phòng và tương đương: 18% định mức giờ chuẩn/năm học;

đ) Giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng: 20% định mức giờ chuẩn/năm học.

Điều 15. Thời gian nghỉ hằng năm

1. Thời gian nghỉ hàng năm của giáo viên trung học nghề gồm: Nghỉ hè, nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định.

2. Thời gian nghỉ hè hằng năm của giáo viên trung học nghề được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Thời gian nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội.

4. Căn cứ kế hoạch năm học, quy mô, đặc điểm, điều kiện thực tế người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bố trí thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên trung học nghề đúng quy định, phù hợp kế hoạch đào tạo của nhà trường.

5. Trường hợp thời gian nghỉ hè trùng với thời gian nghỉ thai sản của giáo viên nữ, ngoài thời gian nghỉ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thời gian nghỉ của giáo viên bao gồm:

a) Thời gian nghỉ thai sản đủ theo quy định;

b) Thời gian nghỉ hè không trùng với thời gian nghỉ thai sản được bố trí trước hoặc sau thời gian nghỉ thai sản, phù hợp với kế hoạch đào tạo của nhà trường;

c) Trường hợp thời gian nghỉ quy định tại điểm b khoản này ít hơn số ngày nghỉ phép hằng năm theo quy định của pháp luật về lao động thì giáo viên trung học nghề được nghỉ thêm bảo đảm tổng số ngày nghỉ thêm và số ngày nghỉ quy định tại điểm b khoản này bằng số ngày nghỉ hằng năm theo quy định. Thời gian nghỉ thêm được sắp xếp linh hoạt theo thỏa thuận giữa giáo viên với cơ sở.

6. Trường hợp giáo viên nam được nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì giáo viên được tính hoàn thành đủ định mức giờ chuẩn trong thời gian nghỉ và không phải thực hiện dạy bù. Trường hợp thời gian nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con của giáo viên nam trùng với thời gian nghỉ hè thì không được nghỉ bù đối với thời gian trùng.

Mục III

CHẾ ĐỘ DẠY THÊM GIỜ VƯỢT ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN, CHẾ ĐỘ GIẢM ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN VÀ QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ CHUẨN

Điều 16. Chế độ dạy thêm giờ vượt định mức giờ chuẩn

1. Trong năm học, giáo viên trung học nghề tham gia giảng dạy có tổng số giờ chuẩn vượt định mức giờ chuẩn quy định tại Điều 14 Thông tư này thì số giờ chuẩn vượt định mức được xác định là số giờ dạy thêm.

2. Tổng số giờ dạy thêm của giáo viên trung học nghề không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật.

3. Việc thanh toán tiền lương dạy thêm giờ được thực hiện theo quy định.

Điều 17. Chế độ giảm định mức giờ chuẩn

1. Giáo viên trung học nghề là cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tại các khoa chuyên môn, tổ bộ môn hoặc giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác khác được giảm định mức giờ chuẩn như sau:

a) Giáo viên trung học nghề được phân công kiêm nhiệm công tác giáo vụ hoặc tư vấn học sinh được giảm từ 10% đến 15% định mức giờ chuẩn cho 01 lớp, giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp hoặc cố vấn học tập được giảm từ 15% đến 20% định mức giờ chuẩn cho 01 lớp tùy theo số lượng, quy mô lớp học, nội dung, trình độ đào tạo và đặc điểm môn học, mô-đun;

b) Giáo viên trung học nghề phụ trách phòng học chuyên môn/xưởng thực hành/phòng thực hành, thực tập, giáo viên kiêm phụ trách phòng học bộ môn: được giảm 10% định mức giờ chuẩn cho 01 phòng, xưởng có nhân viên chuyên trách; được giảm 15% định mức giờ chuẩn cho 01 phòng, xưởng nếu không có nhân viên chuyên trách;

c) Giáo viên trung học nghề là trưởng khoa, trưởng trạm, trại và tương đương, phó trưởng khoa, phó trưởng trạm, trại và tương đương; giáo viên là trưởng bộ môn và tương đương; giáo viên kiêm phụ trách thư viện: được giảm từ 15% đến 30% định mức giờ chuẩn.

2. Giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể

a) Giáo viên kiêm Bí thư Đảng ủy cấp cơ sở hoặc Bí thư Chi bộ cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được giảm từ 20% đến 30% định mức giờ chuẩn; giáo viên kiêm cấp phó các chức danh nêu trên được giảm từ 15% đến 20% định mức giờ chuẩn; giáo viên kiêm Đảng ủy viên hoặc Chi ủy viên chi bộ cơ sở được giảm từ 10% đến 15% định mức giờ chuẩn. Căn cứ quy mô của nhà trường, số lượng các thành viên trong từng tổ chức, sau khi thỏa thuận với các tổ chức Đảng, đoàn thể, người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quyết định tỷ lệ giảm cụ thể cho các chức danh trong phạm vi quy định;

b) Giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác công đoàn được giảm định mức giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Giáo viên trung học nghề là cán bộ trong tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam hoặc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cấp trường được áp dụng chế độ giảm định mức giờ chuẩn theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

3. Giáo viên trung học nghề kiêm nhiều nhiệm vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính tổng mức giảm định mức giờ chuẩn nhưng không vượt quá 50% định mức giờ chuẩn.

4. Không giảm định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

5. Chế độ giảm giờ chuẩn đối với các trường hợp khác:

a) Trong thời gian thử việc (nếu có), giáo viên trung học nghề chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn và được miễn nhiệm vụ thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để dành thời gian tham gia dự giờ và thực tập, thực tế;

b) Trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của pháp luật về lao động hiện hành, giáo viên trung học nghề được miễn giảm định mức giờ chuẩn theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ;

c) Trường hợp tham gia học tập, bồi dưỡng vượt quá thời gian quy định, giáo viên trung học nghề được giảm 14 giờ chuẩn cho 01 tuần học tập, bồi dưỡng (đối với giáo viên dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề), được giảm 17 giờ chuẩn cho 01 tuần học tập, bồi dưỡng (đối với giáo viên dạy môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông);

d) Giáo viên nữ có con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ chuẩn.

Điều 18. Quy đổi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ra giờ chuẩn

1. Hoạt động chuyên môn quy đổi ra giờ chuẩn:

a) Một giờ giảng môn học, mô-đun chuyên môn nghề bằng tiếng nước ngoài (không phải là môn ngoại ngữ) được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn;

b) Một giờ giảng dạy lý thuyết đối với lớp học có số lượng người học vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này được tính quy đổi nhưng không quá 1,5 giờ chuẩn;

c) Một giờ giảng dạy phụ đạo cho người học hoặc dạy thêm cho người học có kết quả học tập cuối học kì liền kề ở mức chưa đạt đối với môn học, kiến thức chương trình trung học phổ thông theo kế hoạch giáo dục của nhà trường được tính quy đổi nhưng không quá 1,5 giờ chuẩn;

d) Một giờ giảng dạy, hướng dẫn, bồi dưỡng cho nhà giáo khác để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia Hội giảng, hội thi, cuộc thi, kỳ thi về kỹ năng nghề, khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao các cấp được tính bằng 1,5 giờ chuẩn;

đ) Thời gian thiết kế, cải tiến, tự làm các trang thiết bị đào tạo và thời gian xây dựng, phát triển học liệu số, bài giảng điện tử phục vụ giảng dạy (cấp khoa trở lên phê duyệt) được tính quy đổi ra giờ chuẩn;

e) Giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất, thời gian làm công tác phong trào thể dục thể thao, huấn luyện quân sự cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhà giáo, nhân viên của cơ sở được tính quy đổi ra giờ chuẩn.

2. Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác quy đổi ra giờ chuẩn: Giảng dạy, bồi dưỡng người học ôn thi tuyển sinh, ôn thi tốt nghiệp; soạn đề thi, coi thi, chấm thi kết thúc mô-đun, môn học; soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp; hướng dẫn, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; bồi dưỡng cho người học tham gia cuộc thi, kỳ thi các cấp về kỹ năng nghề, khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung chuyên môn, nghiệp vụ khác theo quy định của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản áp dụng

1. Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo quy định của pháp luật được cấp trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này.

2. Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông, các chứng chỉ được công nhận đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực sư phạm dạy trình độ trung cấp, dạy trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được công nhận đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giảng viên, giáo viên đang giữ mã số, chức danh của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục được giữ mã số, chức danh hiện giữ đến khi được bổ nhiệm và xếp lương theo quy định.

2. Tiếp tục áp dụng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông đối với giáo viên giảng dạy môn học, kiến thức chương trình văn hóa trung học phổ thông trong chương trình giáo dục trung học nghề tại cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đối

với giáo viên đang giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề đến khi được bổ nhiệm và xếp lương chức danh giáo viên trung học nghề.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan quản lý cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất việc thực hiện chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Căn cứ quy mô đào tạo, điều kiện thực tế của cơ sở, đặc điểm của từng môn học, mô-đun, ngành, nghề đào tạo, số người học cụ thể của các lớp học và mức độ phức tạp của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác, người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có giảng dạy chương trình trung học nghề có trách nhiệm:

a) Quy định công khai, minh bạch các tiêu chí xác định định mức giờ chuẩn để quyết định định mức giờ chuẩn trong năm học cho giáo viên trung học nghề, trong đó có số giờ chuẩn tối thiểu mà giáo viên phải trực tiếp giảng dạy trong năm học; định mức giờ chuẩn đối với các trường hợp bố trí, phân công giáo viên kiêm nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo giờ hành chính;

b) Quyết định việc thực hiện và số giờ tối thiểu mà giáo viên trung học nghề phải tham gia học tập, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới trong năm học (đối với giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun chuyên môn nghề);

c) Quyết định thời điểm nghỉ hè phù hợp với kế hoạch đào tạo của cơ sở;

d) Quyết định tỷ lệ giảm giờ chuẩn cụ thể đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Thông tư này;

đ) Quy định cụ thể việc quy đổi ra giờ chuẩn đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14, Điều 18 Thông tư này và các trường hợp khác (nếu có);

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chế độ làm việc của giáo viên trung học nghề; khuyến khích sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử trong việc phân công, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên.

3. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực, người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy định cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với quy định của Thông tư này; chịu trách nhiệm giải trình về quyết định và việc tổ chức thực hiện chế độ làm việc đối với giáo viên tại cơ sở theo quy định.

4. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tự thực có thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện các quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề tại cơ sở.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và hiệu trưởng cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Như khoản 3 Điều 22;
- Công báo CP; Cổng PLQG; CSDLQG về VBPL; TTĐT Chính phủ; TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05).

Q. BỘ TRƯỞNG

Hoàng Minh Sơn

THUYẾT MINH XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Quy định bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề

I. Căn cứ pháp lý

Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục số 123/2025/QH15, Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 và Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 9 và thứ 10; trong đó:

- Điểm c khoản 2 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2025 quy định: “*Giáo dục nghề nghiệp gồm sơ cấp, trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề khác*”.

- Khoản 6 Điều 22 Luật Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) năm 2025 quy định: “*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề*”.

- Khoản 5 Điều 13 Luật Nhà giáo năm 2025 quy định: “*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết chuẩn nghề nghiệp nhà giáo*”.

- Khoản 4 Điều 16 Luật Nhà giáo năm 2025 quy định: “*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết chế độ làm việc đối với nhà giáo các cấp học và trình độ đào tạo*”.

- Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Nhà giáo quy định: “*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc bổ nhiệm và xếp lương đối với các chức danh nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập tại Điều 3 Nghị định này*”.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục (NGCBQL) là đơn vị đầu mối soạn thảo *Thông tư quy định bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề*.

II. Các văn bản QPPL có liên quan đã quy định/dự kiến ban hành

Trung học nghề là khái niệm, mô hình, chương trình mới được quy định tại Luật GDNN năm 2025, hiện nay chưa có văn bản quy định về giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề (giáo viên trung học nghề), trường trung học nghề, chuẩn cơ sở, chuẩn chương trình giáo dục trung học nghề. Do đó, việc quy định chi tiết về bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề được thực hiện song song với dự thảo văn bản quy định về chuẩn chương trình giáo dục trung học nghề, văn bản quy định về quy chế đào tạo, kiểm tra, đánh giá, cấp bằng tốt nghiệp chương trình giáo dục trung học nghề, chuẩn cơ sở GDNN và các văn bản có liên quan để hướng dẫn, quy định chi tiết Luật GDNN (Cục GDNGDTEX đang

triển khai xây dựng, dự thảo nghiên cứu đối với Thông tư quy định chương trình giáo dục trung học nghề kèm theo).

1. Về bổ nhiệm, xếp lương đối với giáo viên trung học nghề

- Căn cứ dự kiến chuẩn chương trình giáo dục trung học nghề với khối lượng khoảng 2.900 đến 3.000 giờ, gồm 50% khối kiến thức cốt lõi chương trình giáo dục THPT (khoảng 1.450 tiết) và 50% khối môn học, mô-đun nghề (khoảng 1.450 giờ, trong đó tỷ lệ nội dung thực hành chuyên môn cơ bản chiếm từ 50-70%), theo đó giáo viên trung học nghề dự kiến được quy định gồm 04 chức danh: giáo viên trung học nghề thực hành, giáo viên trung học nghề, giáo viên trung học nghề chính, giáo viên trung học nghề cao cấp, tương đồng với chức danh giảng viên, giáo viên giảng dạy các chương trình, trình độ đào tạo khác trong GDNN (giảng viên cao đẳng, giáo viên trung cấp).

- Quy định việc xếp lương vào bảng lương tương ứng hiện hành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ các chức danh nhà giáo khác trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Về chuẩn nghề nghiệp

Trên cơ sở dự kiến chương trình giáo dục trung học nghề (50% khối kiến thức cốt lõi chương trình giáo dục THPT và 50% khối môn học, mô-đun nghề), dự kiến chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên trung học nghề gồm:

- Giáo viên trung học nghề thực hành: là giáo viên dạy thực hành các môn học, mô-đun chuyên môn nghề trong chương trình, yêu cầu trình độ chuẩn được đào tạo như luật GDNN quy định (tốt nghiệp cao đẳng hoặc có năng lực thực hành nghề).

- Giáo viên trung học nghề: gồm 02 nhóm cùng yêu cầu trình độ chuẩn được đào tạo là tốt nghiệp đại học:

+ Đối với giáo viên dạy các môn học THPT: tương đồng với chuẩn nghề nghiệp giáo viên THPT quy định tại dự thảo Thông tư quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên THPT hiện hành.

+ Đối với giáo viên dạy các môn học, mô-đun chuyên môn nghề: tương đồng với chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung cấp/sơ cấp (đáp ứng quy định chuẩn đầu ra chương trình GD trung học nghề) quy định tại dự thảo Thông tư quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên giảng dạy trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp (đang trình ban hành) và Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTĐBXH (quy định hiện hành).

- Giáo viên trung học nghề chính: tương đồng yêu cầu trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên THPT chính (tốt nghiệp đại học); riêng đối với giáo viên THN dạy tích hợp trong môn học, mô-đun chuyên môn nghề phải đáp ứng thêm yêu cầu về năng lực thực hành nghề.

- Giáo viên trung học nghề cao cấp: tương đồng yêu cầu trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên THPT cao cấp hoặc giáo viên sơ cấp cao cấp (tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp cử nhân và có năng lực thực hành nghề); riêng đối

với giáo viên THN dạy tích hợp trong môn học, mô-đun chuyên môn nghề phải đáp ứng yêu cầu về năng lực thực hành nghề.

- Đạo đức nghề nghiệp: quy định chung như các chức danh nhà giáo khác.
- Năng lực sư phạm: năng lực sư phạm giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề hoặc giảng dạy trình độ trung cấp trở lên.
- Năng lực thực hành nghề: năng lực thực hành nghề dạy trình độ sơ cấp hoặc trung cấp trở lên (tương ứng với chuẩn đầu ra theo quy định trong chương trình giáo dục trung học nghề).
- Chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp: chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (sử dụng chung với nhà giáo giảng dạy các trình độ trong GDNN).

3. Về chế độ làm việc

- Giáo viên trung học nghề dạy các môn học THPT: thời gian làm việc và định mức giờ giảng dự kiến xây dựng tương đồng với chế độ làm việc đối với giáo viên THPT quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT.
- Giáo viên trung học nghề dạy các môn học, mô-đun chuyên môn nghề: chế độ làm việc được dự kiến xây dựng tương đồng với chế độ làm việc đối với giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp quy định tại dự thảo Thông tư quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo GDNN.
- Thời gian nghỉ hè được xây dựng theo quy định tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.
- Chế độ dạy thêm giờ và chế độ giảm định mức giờ chuẩn được dự kiến xây dựng tương đồng với chế độ làm việc đối với giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp quy định tại dự thảo Thông tư quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo GDNN.

III. Đánh giá tình hình triển khai và thực hiện Thông tư quy định về thỉnh giảng

Việc triển khai xây dựng *Thông tư quy định bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề* nhằm tạo cơ sở pháp lý quan trọng, giúp các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN có thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề xác định quy mô, đội ngũ nhà giáo cần có, thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đối với đội ngũ giáo viên trung học nghề.

1. Ưu điểm

- Quy định rõ ràng giúp các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN có căn cứ pháp lý để thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ.
- Thu hút chuyên gia, nhà khoa học trình độ cao, người có kinh nghiệm thực tiễn từ doanh nghiệp, đơn vị ngoài tham gia giảng dạy chương trình giáo

dục trung học nghề góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, kết nối thực tiễn và yêu cầu của thị trường lao động.

2. Hạn chế và khó khăn

- Chưa có văn bản quy định về trường trung học nghề, chuẩn cơ sở GDNN, chuẩn chương trình giáo dục trung học nghề. Do đó, việc quy định chi tiết việc sử dụng (bổ nhiệm, xếp lương), chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề chưa đầy đủ cơ sở để xây dựng và dễ gặp tình trạng không đồng bộ, thống nhất với các quy định có liên quan. Dự thảo tạm thời kế thừa các quy định đối với nhà giáo GDNN và giáo viên THPT.

- Tiến độ xây dựng Thông tư (tháng 12/2025) là không khả thi. Trung học nghề là một khái niệm mới, chương trình mới, cần thời gian nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, lấy ý kiến rộng rãi, nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, ý kiến thẩm định của đơn vị có liên quan.

IV. Đề xuất nội dung chính xây dựng Thông tư quy định bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề

1. Nguyên tắc xây dựng

- Quy định chuẩn nghề nghiệp phù hợp với nội dung môn học, mô-đun, kiến thức trong chương trình giáo dục trung học nghề. Trong đó, kế thừa những ưu điểm, đồng thời đồng bộ, thống nhất các nội dung quy định về chuẩn nghề nghiệp, chế độ làm việc của nhà giáo GDNN.

- Bổ nhiệm, xếp lương bằng lương tương ứng, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với chức danh nhà giáo khác và tương ứng trình độ đào tạo.

- Quy định việc sử dụng chung 01 chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp) cho nhà giáo trong hệ thống GDNN (Lý do: hiện 01 cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN được áp dụng chung yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của Luật Viên chức, chuẩn nghề nghiệp tại Luật Nhà giáo, dự thảo Thông tư quy định chuẩn nghề nghiệp giảng viên cao đẳng, giáo viên trung cấp). Đảm bảo tính kế thừa, tránh phát sinh chi phí của cơ sở GDNN và nhà giáo.

- Nghiên cứu yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên trung học nghề được công nhận, thay thế bởi chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông và giảng viên cao đẳng, giáo viên trung cấp.

- Thống nhất quy định về thời gian nghỉ hè, dạy thêm giờ, giảm định mức giờ chuẩn thực hiện đồng bộ theo quy định về thời gian làm việc đối với nhà giáo GDNN.

2. Dự thảo Thông tư quy định bổ nhiệm, xếp lương, chuẩn nghề nghiệp và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề (hồ sơ kèm theo)./.

BÁO CÁO THUYẾT MINH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn người dạy nghề

I. Căn cứ pháp lý

Dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên các sau:

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo: Trong nhiệm vụ, giải pháp về cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp (GDNN), tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao (nhiệm vụ, giải pháp số 6), yêu cầu *“hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhất là đào tạo kỹ năng nghề trong các lĩnh vực công nghệ cao”*; *“có chính sách thu hút chuyên gia, người lao động có tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề”*.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: Trong nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính, huy động sự tham gia của toàn xã hội và nâng cao hiệu quả đầu tư cho giáo dục và đào tạo (nhiệm vụ, giải pháp số 7), yêu cầu *“khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo”*.

Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Trong các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm có nội dung *“nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác về GDNN giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp; các cơ sở GDNN chủ động hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, tăng thời gian thực hành, thực tập cho người học tại doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia GDNN từ khâu tuyển sinh, đào tạo đến sử dụng lao động”* (nhiệm vụ, giải pháp số 7).

Khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (Luật số 123/2025/QH15) về bổ sung Điều 66a và Điều 66b vào Mục 2 Chương IV, trong đó tại khoản 2 và khoản 3 Điều 66b quy định như sau: *“Nhân sự khác ngoài nhân sự hỗ trợ giáo dục quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi là nhân sự khác) thực hiện theo quy định của Luật GDNN, Luật Giáo dục đại học và quy định khác của pháp luật có liên quan.”*; *“Nhân sự hỗ trợ giáo dục và nhân sự khác phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý viên chức chuyên ngành; thực hiện quyền và nghĩa vụ của vị trí việc làm theo quy định của pháp luật.”*

Khoản 4 Điều 21 và khoản 5 Điều 22 Luật GDNN (Luật số 124/2025/QH15) quy định: *“Người dạy nghề là nhân sự khác theo quy định của Luật Giáo dục thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, hướng dẫn thực hành tại doanh nghiệp, hợp tác xã để thực hiện các chương trình GDNN”*; *“Người dạy nghề phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.”*

Do đó, việc Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn người dạy nghề bảo đảm căn cứ chính trị và căn cứ pháp lý.

2. Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ: Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật GDNN 2025, trong đó có *Thông tư quy định tiêu chuẩn người dạy nghề*.

II. Đánh giá tình hình thực hiện và sự cần thiết ban hành

1. Cơ sở thực tiễn:

- Nhu cầu huy động chuyên gia, kỹ sư, nghệ nhân từ doanh nghiệp tham gia đào tạo ngày càng lớn, đặc biệt trong các mô hình đào tạo gắn kết với sản xuất với thời lượng dành cho đào tạo thực hành trong chương trình đào tạo chiếm từ 55%-75% theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH.

- Kết quả khảo sát năm 2021 của Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) cho thấy 99% giảng viên và cán bộ quản lý cơ sở GDNN đánh giá vai trò của người dạy nghề từ doanh nghiệp là quan trọng và rất quan trọng. Sự tham gia của họ giúp nâng cao tính thực tế của chương trình, giúp người học tiếp cận công nghệ mới và tăng cơ hội việc làm.

- Đội ngũ chuyên gia từ doanh nghiệp có kinh nghiệm thực tiễn, trình độ kỹ năng nghề cao, nắm vững quy trình sản xuất hiện đại và khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ mới.

2. Hạn chế và khó khăn:

- Luật GDNN năm 2014 yêu cầu người tham gia giảng dạy trong các chương trình GDNN phải đáp ứng các tiêu chuẩn của nhà giáo, bao gồm yêu cầu về trình độ đào tạo, chứng chỉ kỹ năng nghề và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, do đó tạo ra rào cản trong việc huy động lực lượng chuyên gia, người lao động có tay nghề cao từ doanh nghiệp tham gia giảng dạy.

- Qua tổng hợp báo cáo của các địa phương và cơ sở GDNN cho thấy: Thực trạng khảo sát cho thấy nhiều chuyên gia, kỹ sư, người lao động lành nghề có năng lực thực hành nghề rất tốt nhưng chưa có điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng để được cấp chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề theo quy định hành chính, dẫn đến khó khăn trong việc tham gia giảng dạy.

- Ngược lại, một bộ phận nhà giáo cơ hữu tuy có năng lực sư phạm tốt nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn sản xuất tại doanh nghiệp, dẫn đến khoảng cách giữa nội dung đào tạo và yêu cầu thực tế của thị trường lao động.

- Cơ chế công nhận năng lực thực hành nghề và năng lực sư phạm của người có kinh nghiệm thực tiễn chưa được quy định đầy đủ, dẫn đến khó khăn trong việc huy động lực lượng này tham gia đào tạo.

3. Sự cần thiết:

Việc ban hành Thông tư là cần thiết nhằm cụ thể hóa quy định của Luật GDNN năm 2025 về tiêu chuẩn người dạy nghề, tạo cơ sở pháp lý để huy động nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao từ doanh nghiệp tham gia hoạt động đào tạo.

Thông tư được xây dựng theo hướng chuyển từ tiếp cận quản lý chủ yếu dựa trên văn bằng, chứng chỉ sang tiếp cận dựa trên năng lực thực hành nghề và năng lực sư phạm, đồng thời quy định cơ chế đánh giá, công nhận năng lực thông qua Hội đồng đánh giá tại cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Việc xác lập rõ trách nhiệm phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong thẩm định và công nhận năng lực sẽ đảm bảo tính thống nhất và bền vững trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Việc ban hành Thông tư cũng góp phần tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, nâng cao tính thực tiễn của chương trình đào tạo và khả năng đáp ứng của nguồn nhân lực đối với nhu cầu của thị trường lao động.

III. Quan điểm tiếp cận và nội dung cốt lõi trong xây dựng tiêu chuẩn người dạy nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025

1. Quan điểm tiếp cận xây dựng tiêu chuẩn người dạy nghề

Quan điểm tiếp cận khi xây dựng tiêu chuẩn người dạy nghề trong dự thảo Thông tư là *không áp dụng cứng nhắc chuẩn của nhà giáo cơ hữu đối với người dạy nghề*, bởi nếu áp dụng máy móc yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ sẽ làm hạn chế khả năng huy động lực lượng đông đảo người có tay nghề cao, chuyên gia kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người lao động lành nghề tại doanh nghiệp tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành (gọi chung là người dạy nghề). Đây là lực lượng có kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp phong phú, năng lực thực hành nghề vững vàng, phù hợp với yêu cầu đào tạo nghề nghiệp nhưng lại không phải lúc nào cũng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu hành chính về văn bằng sư phạm theo cách tiếp cận truyền thống.

Việc xây dựng tiêu chuẩn người dạy nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 được tiếp cận theo hướng *chuyển dịch từ quản lý chủ yếu dựa trên văn bằng, chứng chỉ sang quản lý dựa trên năng lực thực tế gắn với nhiệm vụ giảng dạy cụ thể*, đồng thời vẫn bảo đảm nguyên tắc chung của Luật Giáo dục nghề nghiệp là: *giảng dạy nhiệm vụ nào (lý thuyết, thực hành hay tích hợp lý thuyết với thực hành), trình độ nào (sơ cấp, trung học nghề, trung cấp hay cao đẳng) thì phải đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng với nhiệm vụ, trình độ đó*, nhưng được thiết kế bảo đảm tính mở, linh hoạt và phù hợp với đặc thù của giáo dục nghề nghiệp gắn với doanh nghiệp.

2. Phân loại tiêu chuẩn theo nhiệm vụ giảng dạy

Để bảo đảm tính thực tiễn và khả thi, tiêu chuẩn người dạy nghề được xây dựng phân định theo nhiệm vụ giảng dạy, trên nguyên tắc: người dạy nghề thực hiện nhiệm vụ giảng dạy nào (lý thuyết, thực hành hoặc tích hợp) đều phải đáp ứng yêu cầu về *năng lực sư phạm tương ứng*, đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ đảm nhiệm. Cụ thể:

Thứ nhất, người dạy nghề giảng dạy lý thuyết.

Người dạy nghề phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định đối với giáo viên, giảng viên dạy lý thuyết, đồng thời có năng lực sư phạm phù hợp với trình độ đào tạo tham gia giảng dạy. Cách tiếp cận này nhằm bảo đảm chất lượng nội dung lý thuyết, tính hệ thống và chuẩn mực khoa học của chương trình đào tạo.

Thứ hai, người dạy nghề giảng dạy, hướng dẫn thực hành.

Người dạy nghề phải đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề phù hợp với trình độ đào tạo, đồng thời có năng lực sư phạm để tổ chức, hướng dẫn và đánh giá quá trình thực hành của người học. Năng lực có thể được xác nhận thông qua văn bằng, chứng chỉ theo quy định hoặc thông qua đánh giá của Hội đồng đánh giá năng lực do cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thành lập.

Thứ ba, người dạy nghề giảng dạy tích hợp lý thuyết và thực hành.

Người dạy nghề phải đáp ứng đồng thời tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với giảng dạy lý thuyết, tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề, và năng lực sư phạm tương ứng với hoạt động giảng dạy tích hợp, nhằm bảo đảm chất lượng toàn diện của quá trình đào tạo.

3. Cấu trúc hệ thống tiêu chuẩn người dạy nghề

Trên cơ sở phân loại nêu trên, hệ thống tiêu chuẩn người dạy nghề được thiết kế gồm *ba nhóm tiêu chuẩn cốt lõi*, có cấu trúc tương đồng với tiêu chuẩn nhà giáo nhưng được điều chỉnh phù hợp với đặc thù của người dạy nghề:

(i) Tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bao gồm phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm, sự tôn trọng người học và tuân thủ quy định về an toàn lao động trong quá trình giảng dạy, hướng dẫn thực hành,...

(ii) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo và năng lực thực hành nghề, trong đó quy định yêu cầu về trình độ đào tạo đối với người dạy lý thuyết và yêu cầu về năng lực thực hành nghề đối với người dạy thực hành.

(iii) Tiêu chuẩn về năng lực sư phạm, tập trung vào khả năng tổ chức hoạt động dạy học, hướng dẫn thực hành và đánh giá kết quả học tập của người học trong môi trường đào tạo nghề nghiệp.

4. Phương thức đánh giá và công nhận năng lực

Dự thảo Thông tư quy định cơ chế đánh giá năng lực thực hành nghề và năng lực sư phạm thông qua Hội đồng đánh giá do cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thành lập, có sự tham gia của nhà giáo và đại diện doanh nghiệp hoặc chuyên gia trong lĩnh vực liên quan.

Hội đồng đánh giá có trách nhiệm xây dựng nội dung đánh giá phù hợp với ngành, nghề và trình độ đào tạo; tổ chức đánh giá khách quan, minh bạch; xem xét công nhận năng lực thực tế của người dạy nghề để miễn, giảm nội dung đánh giá khi phù hợp.

Cách tiếp cận này góp phần tạo cơ chế linh hoạt để huy động nguồn nhân lực có tay nghề cao tham gia giảng dạy, đồng thời vẫn bảo đảm chất lượng và trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong việc công nhận tiêu chuẩn người dạy nghề./.